

Bản án số: **29/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thế

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2025/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2025, về việc *“Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐDST- HNGĐ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tày Thị H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (Nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang). Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Ma Văn K, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (Nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang). Hiện đang đi lao động tại Đài Loan, không rõ địa chỉ cụ thể. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tày Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Văn K kết hôn có tìm hiểu tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

(Nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 19/3/2014. Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, chị và anh K đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Hiện nay, anh K đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Ma Văn K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là cháu Ma Phương G, sinh ngày 12/12/2013 và cháu Ma Thị Khánh L, sinh ngày 21/01/2017. Khi ly hôn chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả cháu G và cháu L, chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Ma Văn K không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Ma Văn K hiện nay đang ở nước ngoài: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thông báo, gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Ma Văn K thông qua người thân của anh K tại Việt Nam là bà Nông Thị H1 (mẹ đẻ anh K). Anh K có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh (K) xác định anh và chị Tày Thị H kết hôn vào ngày 19/3/2014 UBND xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (Nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang), việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống hai bên có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, mâu thuẫn chưa nghiêm trọng đến mức phải ly hôn, anh K không nhất trí ly hôn, nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Ma Phương G, sinh ngày 12/12/2013 và cháu Ma Thị Khánh L, sinh ngày 21/01/2017. Ly hôn chị H đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G và cháu L thì anh không nhất trí. Anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả cháu G và cháu L mỗi tháng là 2.000.000đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh xác định anh và chị H không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Ma Văn K đang ở nước ngoài và chị H không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi xét xử. Anh Ma Văn K đã được người thân trong gia đình thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án xét xử vắng mặt anh Ma Văn K là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định cuộc sống chung của vợ chồng chị Tày Thị H và anh Ma Văn K không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện mỗi người ở một nước không có khả năng đoàn tụ vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tày Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xử lý cho chị Tày Thị H ly hôn với anh Ma Văn K. Về con chung: Giao cháu Ma Phương G, sinh ngày 12/12/2013 và cháu Ma Thị Khánh L, sinh ngày 21/01/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; anh Ma Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công nợ chung chị Tày Thị H và anh Ma Văn K đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị Tày Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Tày Thị H và anh Ma Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 19/3/2014 là hôn nhân hợp pháp. Anh K hiện đang sinh sống lao động tại nước ngoài (Đài Loan), theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Tày Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Ma Văn K hiện đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan. Gia đình anh Ma Văn K xác nhận anh K vẫn thường xuyên liên lạc thăm hỏi gia đình, tuy nhiên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh K. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Ma Văn K thông qua bố mẹ đẻ anh, gia đình anh cam kết và đã thông báo cho anh K biết các văn bản tố tụng của Tòa án, anh K

đã có ý kiến thông qua bố mẹ đẻ của anh. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ma Văn K là phù hợp pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Tày Thị H:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Tày Thị H phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình anh K. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Tày Thị H và anh Ma Văn K có mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống. Hiện nay giữa chị Tày Thị H và anh Ma Văn K mỗi người ở một nước khác nhau, không còn quan tâm tới nhau, sống ly thân từ năm 2019 đến nay và cả hai bên đều không có biện pháp hiệu quả để hàn gắn quan hệ vợ chồng; anh K không muốn ly hôn, còn chị H kiên quyết ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tày Thị H và anh Ma Văn K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tày Thị H.

[3.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị Tày Thị H và anh Ma Văn K có hai con chung là cháu Ma Phương G, sinh ngày 12/12/2013 và cháu Ma Thị Khánh L, sinh ngày 21/01/2017. Từ khi anh K đi xuất khẩu lao động, cháu G và cháu L ở cùng ông bà nội tại xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (Nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang), cháu G và cháu L đều có nguyện vọng muốn ở với anh K và ông bà nội; Chị H và anh K đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện anh Ma Văn K đang ở nước ngoài, chị H hiện nay đang làm ăn và sinh sống tại Việt Nam. Vì vậy, cần giao cháu Ma Phương G, sinh ngày 12/12/2013 và cháu Ma Thị Khánh L, sinh ngày 21/01/2017 cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên đương sự tự thỏa thuận, do chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Ma Văn K được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Tày Thị H và anh Ma Văn K không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Tày Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Tày Thị H và anh Ma Văn K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tày Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tày Thị H được ly hôn với anh Ma Văn K (*Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 19/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Ma Phương G, sinh ngày 12/12/2013 và cháu Ma Thị Khánh L, sinh ngày 21/01/2017 cho chị Tày Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Ma Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Tày Thị H và anh Ma Văn K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tày Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 23 ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Tày Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tày Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/7/2025), anh Ma Văn K vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Phù Lưu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Thố

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh

Nguyễn Thị Tâm

Nguyễn Xuân Thủy

